

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **202/2026/HS-ST**

Ngày: 30/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Phương Uyên Nhi và bà Lê Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2026/HSST ngày 11 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Ngọc T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 01/8/1991 tại tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân: 035091002940; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959 và bà Lương Thị C, sinh năm 1954; có vợ là bà Phạm Huỳnh Thanh T1, sinh năm 2002; có 02 con (lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (cũ) xử phạt 04 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/3/2016;

- Ngày 14/02/2020, bị Công an tỉnh A xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi “Phát tờ rơi quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội”;

- Ngày 21/8/2024, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000 đồng, về hành vi “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/01/2026 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Huỳnh Thanh T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 26/8/2002 tại tỉnh An Giang; số căn cước công dân: 089302002501; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu dân cư A, xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc H (đã chết) và bà Phạm Thị N1, sinh năm 1980; có chồng là ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991, có 02 con (lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Huỳnh Nguyễn Lan H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số C Đ, phường P, thành phố H. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số G T, phường P, thành phố H. Có mặt.

3. Anh Phan Lê Nhật Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số C P, phường A, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2024, Nguyễn Ngọc T và vợ là Phạm Huỳnh Thanh T1 đến thuê nhà tại chung cư A thuộc phường V, thành phố H để sinh sống và thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao nhằm mục đích thu lợi bất chính. Nguyễn Ngọc T sử dụng tài khoản Facebook cá nhân có tên “Tuấn T2”, Phạm Huỳnh Thanh T1 sử dụng tài khoản Facebook có tên “Phạm Diệp A” và “Phạm Thanh T1” đăng tải nội dung cho vay trên mạng xã hội để người cần tiền có nhu cầu liên hệ. Khi đăng bài, T và T1 sử dụng các số điện thoại là 0889009882, 0915139624 để người vay liên hệ rồi kết bạn qua Zalo tên “Thanh Trúc” do Phạm Huỳnh Thanh T1 quản lý, sử dụng và tài khoản Zalo tên “P1” do Nguyễn Ngọc T quản lý, sử dụng để thỏa thuận việc vay tiền. Sau đó, Nguyễn Ngọc T hẹn gặp người vay trực tiếp để kiểm tra căn cước công dân, yêu cầu người vay tiền quay video thể hiện nội dung có vay tiền của T và sử dụng tài khoản số 19037045773017 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (T3) và tài khoản số 9889009882 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 (V) do Phạm Huỳnh Thanh T1 đứng tên chủ tài khoản để “giải ngân” tiền cho vay và nhận tiền lãi, tiền góp hàng ngày từ những người vay. Với thủ đoạn như trên, Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã cho 03 người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Chị Huỳnh Nguyễn Lan H1 (sinh năm: 1990, trú tại: 3 Đ, phường P, thành phố H):

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/02/2024 đến 25/10/2025, Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã cho chị Huỳnh Nguyễn Lan H1 vay tổng cộng 26 khoản vay (kèm theo phụ lục số 01), với tổng số tiền vay là: 535.000.000 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu đồng), mức lãi suất cho vay dao động từ 421,15%/năm đến 530,91%/năm, gấp từ 21,06 đến 26,55 lần so với mức lãi suất

cao nhất theo quy định của pháp luật, chu kỳ vay từ 22 đến 26 ngày đối với mỗi khoản vay. T và T1 đã thu phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 56.500.000 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền gốc mà chị H1 đã trả: 535.000.000 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu đồng); số tiền lãi đã trả: 166.400.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó: mức lãi suất tối đa được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 6.975.342 đồng (sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), số tiền lãi thu quá quy định của pháp luật (thu lợi bất chính) là: 159.424.658 đồng (một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

2. Anh Nguyễn Quốc P (sinh năm: 1998, trú tại: G T, phường P, thành phố H):

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2024 đến 28/6/2025, Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã cho anh Nguyễn Quốc P vay tổng cộng 25 khoản vay (kèm theo phụ lục số 02), với tổng số tiền vay là: 5.020.000.000 đồng (năm tỷ không trăm hai mươi triệu đồng), mức lãi suất cho vay dao động từ 421,15%/năm đến 530,91%/năm, gấp từ 21,06 đến 26,55 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật, chu kỳ vay từ 22 đến 26 ngày đối với mỗi khoản vay. T và T1 đã thu phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 514.000.000 đồng (năm trăm mười bốn triệu đồng). Số tiền gốc mà anh P đã trả: 5.020.000.000 đồng (năm tỷ không trăm hai mươi triệu đồng); số tiền lãi đã trả: 1.514.400.000 đồng (một tỷ năm trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó: mức lãi suất tối đa được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 70.597.260 đồng (Bảy mươi triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng), số tiền lãi thu quá quy định của pháp luật (thu lợi bất chính) là: 1.443.802.740 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu tám trăm lẻ hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng). Trong 25 khoản vay trên, có 23 khoản vay, T và T1 thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng.

3. Anh Phan Lê Nhật Q (sinh năm: 1992, trú tại: C P, phường A, thành phố H):

Trong khoảng thời gian từ ngày 04/7/2024 đến 25/5/2025, Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã cho anh Phan Lê Nhật Q vay tổng cộng 07 khoản vay (kèm theo phụ lục số 03), với tổng số tiền vay là: 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng), mức lãi suất cho vay dao động từ 421,15%/năm đến 530,91%/năm, gấp từ 21,06 đến 26,55 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật, chu kỳ vay từ 22 đến 26 ngày đối với mỗi khoản vay. T và T1 đã thu phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 34.750.000 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền gốc mà anh Q đã trả: 291.363.636 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: mức lãi suất tối đa được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 3.950.685 đồng (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), số tiền lãi thu quá quy định của pháp luật (thu lợi bất chính) là: 85.285.679 đồng (tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bảy

mười chín đồng). Trong 07 khoản vay trên, có 01 khoản vay, T và T1 thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng.

Tất cả các khoản vay của chị Huỳnh Nguyễn Lan H1, anh Nguyễn Quốc P và anh Phan Lê Nhật Q, Nguyễn Ngọc T đều yêu cầu tất toán trước khi vay tiếp khoản vay mới. Số tiền còn nợ được trừ vào khoản vay tiếp theo rồi mới chuyển tiền vay, đồng thời số tiền gốc ở mỗi lần vay là không giống nhau. Chị H1 và anh P đã trả hết số tiền vay, riêng anh Q đã trả đủ cả tiền gốc và lãi đối với 06 khoản vay, còn khoản vay sau cùng (số tiền 40.000.000 đồng), anh Q đã trả gốc được 16.363.636 đồng (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng), số tiền gốc còn nợ là 23.636.364 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 promax màu trắng vàng, tình trạng bị vỡ mặt trước, mặt sau, không xác định tình trạng kỹ thuật và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 màu xanh, IMEI: 353973107226798 kèm sim điện thoại số 0915139624, đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Phạm Huỳnh Thanh T1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 promax, IMEI: 357507335108836 kèm theo sim điện thoại số 0889009882, đã qua sử dụng;

- Tiền Việt Nam đồng: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) do Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 tự nguyện nộp để khắc phục số tiền thu lợi bất chính.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSH-P1 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- + Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/01/2026.

- + Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 35 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1 số tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

- + Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung Nguyễn Ngọc T số tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1 đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung. Ngoài ra, đề nghị áp dụng biện pháp cấm các bị cáo

Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 hành nghề liên quan đến hoạt động cho vay từ 01 năm đến 02 năm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax màu trắng vàng, tình trạng bị vỡ mặt trước, mặt sau, không xác định tình trạng kỹ thuật; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, IMEI: 353973107226798 kèm sim điện thoại số 0915139624, đã qua sử dụng (của Nguyễn Ngọc T);

- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 promax, IMEI: 357507335108836 kèm theo sim điện thoại số 0889009882, đã qua sử dụng (của Phạm Huỳnh Thanh T1);

- + Tiền Việt Nam đồng: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 tự nguyện nộp để khắc phục số tiền thu lợi bất chính.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 phải liên đới nộp lại số tiền để sung vào công quỹ nhà nước như sau:

- + Số tiền 5.870.000.000 đồng - là khoản tiền mà các bị cáo đã cho chị Huỳnh Nguyễn Lan H1, anh Nguyễn Quốc P và anh Phan Lê Nhật Q vay.

- + Số tiền 81.523.287 đồng là lãi suất tối đa được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm).

Tổng số tiền các bị cáo phải nộp là 5.951.523.287 đồng. Do các bị cáo đã tự nguyện giao nộp 50.000.000 đồng nên số tiền thực tế còn phải giao nộp là 5.901.523.287 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 phải liên đới:

- + Trả lại cho chị Huỳnh Nguyễn Lan H1 số tiền: 215.924.658 đồng (trong đó số tiền hưởng lợi bất chính do lãi suất thu quá quy định của pháp luật là: 159.424.658 đồng; phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 56.500.000 đồng).

- + Trả lại cho anh Nguyễn Quốc P số tiền: 1.957.802.740 đồng (đó số tiền lãi thu quá quy định của pháp luật là: 1.443.802.740 đồng; phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 514.000.000 đồng).

- + Trả lại cho anh Phan Lê Nhật Q số tiền: 120.035.679 đồng (trong đó số tiền hưởng lợi bất chính do lãi suất thu quá quy định của pháp luật là: 85.285.679 đồng; phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 34.750.000 đồng).

- Đối với khoản vay sau cùng của anh Phan Lê Nhật Q với số tiền là 40.000.000 đồng thì anh Q đã trả số tiền 16.363.636, còn nợ các bị cáo là 23.636.364 đồng. Đây là khoản tiền sử dụng vào mục đích trái pháp luật do đó buộc anh Q phải nộp lại toàn bộ số tiền để sung vào công quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc các bị cáo phải án phí hình sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/02/2024 đến 25/10/2025, tại thành phố H, Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã cho chị Huỳnh Nguyễn Lan H1, anh Nguyễn Quốc P và anh Phan Lê Nhật Q vay tổng số tiền 5.870.000.000 đồng (năm tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng), với mức lãi suất dao động từ 421,15%/năm đến 530,91%/năm, gấp từ 21,06 đến 26,55 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật; lãi suất tối đa được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 81.523.287 đồng; thu lợi bất chính tổng số tiền 2.293.763.077 đồng (hai tỷ hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: phí làm hồ sơ là 605.250.000 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật là 1.688.513.077 đồng.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhận thấy:

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; Hành vi của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, tín dụng, mà còn xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của người đi vay. Hành vi này là nguyên nhân phá vỡ chính sách quản lý lãi suất và trật tự an toàn xã hội gây ra nhiều hệ lụy xấu cho chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước. Do đó, cần phải xử lý để giáo dục các bị cáo và răn đe đối tượng khác, cũng nhằm để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, trong việc vay mượn giữa các bên là tự nguyện, không có tính ép buộc, các bị hại tự nguyện

đến vay và trả lãi.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Ngọc T có nhân thân xấu. Bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1 có nhân thân tốt;

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 đã thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp lại số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Ngọc T có mẹ là người có công với Cách M.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo Nguyễn Ngọc T có vai trò chính, bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1 tham gia với vai trò người giúp sức cho bị cáo T.

[6]. Về hình phạt:

Sau khi xem xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T có nhân thân xấu, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo, tu dưỡng bản thân, trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã bị tạm giam từ ngày 30/01/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm là 06 (Sáu) tháng tù, cần xử phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1 là vợ của bị cáo T đang nuôi 02 con nhỏ nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ sức răn đe với bị cáo và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T; bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1 đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 bị cấm hành nghề liên quan đến hoạt động cho vay 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2026).

[8]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax màu trắng vàng,

tình trạng bị vỡ mặt trước, mặt sau, không xác định tình trạng kỹ thuật; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, IMEI: 353973107226798 kèm sim điện thoại số 0915139624, đã qua sử dụng (của Nguyễn Ngọc T);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 promax, IMEI: 357507335108836 kèm theo sim điện thoại số 0889009882, đã qua sử dụng (của Phạm Huỳnh Thanh T1);

+ Tiền Việt Nam đồng: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 tự nguyện nộp để khắc phục số tiền thu lợi bất chính.

[9]. Về biện pháp tư pháp:

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền mà các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 được dùng vào mục đích cho vay lãi nặng là 5.870.000.000 đồng và số tiền 81.523.287 đồng là lãi suất tối đa được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm). Tổng số tiền các bị cáo liên đới phải nộp là 5.951.523.287 đồng. Do các bị cáo đã tự nguyện giao nộp 50.000.000 đồng nên số tiền thực tế còn phải giao nộp là 5.901.523.287 đồng.

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 phải liên đới:

+ Trả lại cho chị Huỳnh Nguyễn Lan H1 số tiền: 215.924.658 đồng (trong đó số tiền hưởng lợi bất chính do lãi suất thu quá quy định của pháp luật là: 159.424.658 đồng; phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 56.500.000 đồng).

+ Trả lại cho anh Nguyễn Quốc P số tiền: 1.957.802.740 đồng (đó số tiền lãi thu quá quy định của pháp luật là: 1.443.802.740 đồng; phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 514.000.000 đồng).

+ Trả lại cho anh Phan Lê Nhật Q số tiền: 120.035.679 đồng (trong đó số tiền hưởng lợi bất chính do lãi suất thu quá quy định của pháp luật là: 85.285.679 đồng; phí làm hồ sơ vay, tổng số tiền là 34.750.000 đồng).

- Đối với số tiền anh Phan Lê Nhật Q còn nợ các bị cáo là 23.636.364 đồng. Đây là khoản tiền sử dụng vào mục đích trái pháp luật do đó anh Phan Lê Nhật Q phải nộp lại toàn bộ số tiền để sung vào công quỹ nhà nước.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2]. Về hình phạt:

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T:

- Áp dụng khoản 2,3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Áp dụng Điều 326 và Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 (Sáu) tháng tù bằng thời gian bị cáo T đã bị tạm giam từ ngày 30/01/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/07/2026.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T đang bị tạm giam nếu bị cáo T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Cấm bị cáo hành nghề liên quan đến hoạt động cho vay 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2026).

Đối với bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1:

- Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Thanh T1 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo hành nghề liên quan đến hoạt động cho vay 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2026).

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 promax màu trắng vàng, tình trạng bị vỡ mặt trước, mặt sau, không xác định tình trạng kỹ thuật; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, IMEI: 353973107226798 kèm sim điện thoại số 0915139624, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 promax, IMEI: 357507335108836 kèm theo sim điện thoại số 0889009882, đã qua sử dụng;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố H và Phòng Thi hành dân sự Khu vực 1 - Huế ngày 13/5/2026).

- Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 50.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi lập ngày 13/5/2026 từ Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố H đến Thi hành án dân sự thành phố H.

[4]. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 phải liên đới nộp vào công quỹ nhà nước số tiền: 5.951.523.287 đồng. Do các bị cáo đã tự nguyện giao nộp 50.000.000 đồng nêu trên nên số tiền thực tế còn phải giao nộp là 5.901.523.287 đồng.

- Anh Phan Lê Nhật Q phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 23.636.364 đồng.

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1 liên đới phải:

+ Trả lại cho Chị Huỳnh Nguyễn Lan H1 số tiền: 215.924.658 đồng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Quốc P số tiền: 1.957.802.740 đồng.

+ Trả lại cho anh Phan Lê Nhật Q số tiền: 120.035.679 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền trên, người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án thì bị cáo còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Huỳnh Thanh T1; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại chị Huỳnh Nguyễn Lan H1 và anh Nguyễn Quốc P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Phan Lê Nhật Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1–Huế
- Phòng PV06 CA TP.Huế;
- CQĐT CA TP.Huế;
- CQ THAHS CA TP.Huế;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- TTG Công an thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến